

Số: 137/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 02 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục các dự án được giao kế hoạch vốn năm 2016 kéo dài sang năm 2017; danh mục các dự án bố trí kế hoạch vốn năm 2016 không còn nhu cầu sử dụng để điều chuyển cho các công trình thiếu vốn thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 319/2016/TT-BTC ngày 13/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc xử lý chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 sang năm 2017;

Căn cứ Văn bản số 4311/BKHĐT-TH ngày 26/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016 sang năm 2017;

Căn cứ Văn bản số 5431/BKHĐT-KTNN ngày 04/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016 sang năm 2017 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1277/SKHĐT-KT ngày 25/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các dự án được giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 được kéo dài sang năm 2017 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới (*chi tiết tại Phụ lục 01a và 01b kèm theo*).

Điều 2. Phê duyệt danh mục các dự án bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017 chưa giải ngân hết kế hoạch nhưng không còn nhu cầu sử dụng vốn để điều chuyển cho các công trình thiếu vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới (*chi tiết tại Phụ lục 02a và 02b kèm theo*).

Điều 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Các Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho Bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP (KT);
- Lưu: VT, K7, HTKT1 *de*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]
Lê Ngọc Tuấn

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CTMTQG NĂM 2016 SANG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 737 QĐ-UBND ngày 02/8 /2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình (dự án)	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2016 giao đầu năm hoặc điều chỉnh theo quy định	Giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017	Kế hoạch vốn NSTW năm 2016 đến 31/01/2017 chưa giải ngân hết	Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện KH vốn NSTW năm 2016 chưa giải ngân hết sang năm 2017 của các huyện, thành phố	Số vốn KH nguồn NSTW năm 2016 tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2017	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
	CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG				87.560	85.475	45.652,379	42.844,483	2.807,896	3.062,035	2.733,085	
I	CHƯƠNG TRÌNH 30a				61.977	61.977	26.691,543	25.592,693	1.098,850	1.098,850	1.098,850	
1	Huyện Tư Mơ Rông				5.015	5.015	5.046,543	5.004,342	42,201	42,201	42,201	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2016				5.015	5.015	5.046,543	5.004,342	42,201	42,201	42,201	
	Lồng ghép tối thiểu 30% thực hiện Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM				5.015	5.015	5.046,543	5.004,342	42,201	42,201	42,201	
-	Đường nội thôn Đắc Chum 1	7592067	Xã Tư Mơ Rông	881; 31/8/2016	560	560	560,727	559,544	1,183	1,183	1,183	
-	Đường nội thôn Long Tro	7591530	Xã Văn Xuôi	875; 31/8/2016	540	540	560,727	539,726	21,001	21,001	21,001	
-	Đường nội thôn Ngọc Năng 1	7591712	Xã Đắc Rơ Ông	865; 31/8/2016	561	561	560,727	558,665	2,062	2,062	2,062	
-	Đường trục thôn Ngọc Leang	7591857	Xã Đắc Hà	883; 31/8/2016	548	548	560,727	547,040	13,687	13,687	13,687	
-	Đường nội thôn Đắc Nông	7591536	Xã Đắc Tờ Kan	879; 31/8/2016	562	562	560,727	560,647	0,080	0,080	0,080	
-	Đường Ngõ xóm từ Nhà Thầy Đổ đến trường TH, đoạn từ nhà rông	7591763	Xã Đắc Sao	873; 31/8/2016	561	561	560,727	560,390	0,337	0,337	0,337	
-	Đường nội thôn Mô Bánh 2 (đoạn nối tiếp)	7591541	Xã Đắc Na	869; 31/8/2016	560	560	560,727	558,009	2,718	2,718	2,718	
-	Đường nội thôn Ngọc La	7591479	Xã Măng Ri	885; 31/8/2016	561	561	560,727	560,046	0,681	0,681	0,681	
-	Đường đi khu tái định cư thôn Mô Za	7591419	Xã Ngọc Lầy	874; 31/8/2016	561	561	560,727	560,275	0,452	0,452	0,452	

2	Huyện Kon Plông				38.036	38.036	14.493,000	14.393,000	100,000	100,000	100,000	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2016				38.036	38.036	14.493,000	14.393,000	100,000	100,000	100,000	
	Đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã Đăk Rìng đi thôn Kíp La, thôn Đăk Ang, huyện Kon Plông	7566970	Kon Plông	986; 31/8/2016	38.036	38.036	14.493,000	14.393,000	100,000	100,000	100,000	
3	Huyện Đăk Glei				807	807	790,000	764,712	25,288	25,288	25,288	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2016				807	807	790,000	764,712	25,288	25,288	25,288	
	Đường đi khu sản xuất Đăk Păm xã Đăk Blô	7542487	Xã Đăk Blô	146; 31/8/2016	807	807	790,000	764,712	25,288	25,288	25,288	Chi phí quyết toán, QLDA
4	Huyện Sa Thầy				9.424	9.424	3.593,000	3.573,371	19,629	19,629	19,629	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2016				9.424	9.424	3.593,000	3.573,371	19,629	19,629	19,629	
	Nâng cấp mở rộng đường từ tỉnh lộ 675 đi xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy	7544231	Sa Thầy	1003- 31/8/2016	9.424	9.424	3.593,000	3.573,371	19,629	19,629	19,629	
5	Huyện Kon Rẫy				8.695	8.695	2.769,000	1.857,268	911,732	911,732	911,732	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				5.999	5.999	1.769,000	915,800	853,200	853,200	853,200	
	Đường từ QL 24 đi làng Kon Tub-KonBDeh xã Đăk Ruồng và nâng cấp cầu treo.	7494873	Kon Rẫy	1125- 30/10/14	5.999	5.999	1.769,000	915,800	853,200	853,200	853,200	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2016				2.696	2.696	1.000,000	941,468	58,532	58,532	58,532	
	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn 2 xã Đăk Kôi	7586017	Kon Rẫy	1001- 31/8/2016	2.696	2.696	1.000,000	941,468	58,532	58,532	58,532	
II	CHƯƠNG TRÌNH 135				25.584	23.499	18.961	17.252	1.709	1.963	1.634	
1	Huyện Tu Mơ Rông				4.433	3.873	2.594,000	2.491,793	102,207	102,207	102,207	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015				1.073	1.073	523,000	459,492	63,508	63,508	63,508	
	Cầu trần Kon Hia 3 xã Đăk Rơ Ông. Hạng mục: Khắc phục sửa chữa mở cầu	7450494	Xã Đăk Rơ Ông	251/11-4- 2014	747	747	247,000	227,160	19,840	19,840	19,840	
	Bê tông hóa đường nội thôn Đăk Hnáng	7476047	Xã Đăk Tờ Kan	1159/26-9- 2014	326	326	276,000	232,332	43,668	43,668	43,668	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				1.212	1.212	483,000	448,297	34,703	34,703	34,703	
	Cầu treo Nước Lây thôn Mô Za, xã Ngọc Lây	7548235	Xã Ngọc Lây	223a/17-4- 2015	1.212	1.212	483,000	448,297	34,703	34,703	34,703	

(3)	Dự án khôi công mới năm 2016				2.148	1.588	1.588,000	1.584,004	3,996	3,996	3,996	
	Đường trục thôn Ngọc Leng nhánh 2	7591858	Xã Đắk Hà	882; 31/8/2016	224	224	224,000	223,423	0,577	0,577	0,577	
	Đường trục thôn Đắk Ka	7592063	Xã Tu Mơ Rông	880; 31/8/2016	187	187	187,000	186,640	0,360	0,360	0,360	
	Đường trục chính nội đồng thôn Ngọc Năng 1 (Đoạn nối tiếp)	7591719	Xã Đắk Rơ Ông	886; 31/8/2016	243	243	243,000	242,764	0,236	0,236	0,236	
	Đường trục thôn Kon Sang	7591543	Xã Đắk Na	870; 31/8/2016	280	280	280,000	277,979	2,021	2,021	2,021	
	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Tê Xô Ngoài	7591537	Xã Đắk Tờ Kan	871; 31/8/2016	243	243	243,000	242,776	0,224	0,224	0,224	
	Đường trục thôn Đắk Linh (Đoạn nối tiếp)	7591533	Xã Văn Xuôi	877; 31/8/2016	206	206	206,000	205,548	0,452	0,452	0,452	
	Đường trục thôn khu TĐC thôn Tân Ba (Đoạn nối tiếp)	7604580	Xã Tê Xăng	867; 31/8/2016	766	205	205,000	204,874	0,126	0,126	0,126	
2	Huyện Sa Thầy				7.256	6.703	6.915,000	6.542,205	372,795	372,795	372,795	
(1)	Các dự án khôi công mới năm 2016				7.256	6.703	6.915,000	6.542,205	372,795	372,795	372,795	
	Cầu treo qua suối Đắk Sĩa xã Rờ Kơi	7585314	Xã Rờ Kơi	1585 31/8/2016	1.106	1.053	1.053,000	1.032,136	20,864	20,864	20,864	
	Đường nội làng Tum xã Ya Ly	7585323	Xã Ya Ly	1596 31/8/2016	651	562	620,000	560,923	59,077	59,077	59,077	
	Đường nội làng KĐư đoạn từ nhà ông A Byit đến giới nước	7585324	Thị trấn Sa Thầy	1594 31/8/2016	265	230	252,000	229,155	22,845	22,845	22,845	
	Sửa chữa đường từ làng Trấp đi xã Ya Tăng (đoạn từ Km4+131,82 - Km4+266,28)	7585317	Xã Ya Tăng	1586 31/8/2016	651	620	620,000	608,797	11,203	11,203	11,203	
	Nâng cấp đường giao thông nội thôn Bình Giang xã Sa Bình	7585325	Xã Sa Bình	1581 31/8/2016	975	839	929,000	819,873	109,127	109,127	109,127	
	Trường tiểu học xã Ya Xiêr	7585318	Xã Ya Xiêr	1590 31/8/2016	1.041	991	991,000	964,832	26,168	26,168	26,168	
	Lưới điện sinh hoạt làng GRập xã Mô Rai	7585319	Xã Mô Rai	1588; 31/8/2016 - 3329 07/11/2016	1.171	1.115	1.115,000	1.061,268	53,732	53,732	53,732	
	Lưới điện sinh hoạt khu phát sinh thôn Đắk Wót, xã Hơ Moong	7585320	Xã Hơ Moong	1589; 31/8/2016 - 3330 07/11/2016	420	400	400,000	386,286	13,714	13,714	13,714	
	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Sang	7585321	Xã Hơ Moong	1591 31/8/2016	420	400	400,000	388,428	11,572	11,572	11,572	
	Đường từ tỉnh lộ 679 đi thôn Kơ Bei nhánh số 2	7585326	Xã Hơ Moong	1595 31/8/2016	331	286	315,000	285,075	29,925	29,925	29,925	
	Đường giao thông nội thôn Đắk Tăng xã Sa Nghĩa	7585327	Xã Sa Nghĩa	1593 31/8/2016	84	73	80,000	73,038	6,962	6,962	6,962	

	Xây dựng giếng nước tập trung trung thôn Đắc Tăng	7585322	Xã Sa Nghĩa	1592 31/8/2016	141	135	140,000	132,394	7,606	7,606	7,606	
3	Huyện Đăk Hà				3.328	3.231	1.753,836	1.687,731	66,105	22,169	18,071	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				2.191	2.191	912,084	857,699	54,385	6,351	6,351	
	Trường mẫu giáo xã Ngọc Wang (điểm trường thôn 1);	7512082	Xã Ngọc Wang	458; 06/05/2015	513	513	252,000	241,935	10,065	1,360	1,360	
	Cổng tường rào trường tiểu học U Rê thôn 8 xã Ngọc Wang	7517924	Xã Ngọc Wang	522; 13/05/2015	430	430	172,524	160,354	12,170	1,078	1,078	
	Nhà rộng văn hóa thôn 9 (Kon Prop) xã Đăk Hring; HM: Cổng, tường rào, sân bê tông	7512075	Xã Đăk Hring	509; 13/05/2015	323	323	90,000	79,386	10,614	0,854	0,854	
	Nhà rộng văn hóa thôn 7 (Tu Ria Piêng), xã Đăk Hring; HM: Cổng, tường rào, sân bê tông	7512078	Xã Đăk Hring	511; 13/05/2015	388	388	161,560	148,775	12,785	1,025	1,025	
	Đường điện chiếu sáng công lộ thôn 2 (Đăk Rế) xã Đăk Hring	7518015	Xã Đăk Hring	516; 13/05/2015	535	535	236,000	227,249	8,751	2,034	2,034	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2016				1.137	1.040	841,752	830,032	11,720	15,818	11,720	
	Đường GTNT thôn 10 (Đăk Chốt)	7586995	Xã Đăk La	1077; 30/8/2016	183	173	173,000	167,254	5,746	5,746	5,746	
	Sửa chữa, cải tạo đập Đăk Ia (Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo).	7586818	Xã Đăk Long	1071; 30/8/2016	954	867	668,752	662,778	5,974	10,072	5,974	
4	Huyện Ia H'Drai				754	754	805,000	306,703	498,297	760,649	498,297	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2016				754	754	805,000	306,703	498,297	760,649	498,297	
	Đường giao thông nội thôn điểm dân cư thôn 1 xã Ia Dom	7587463	Xã Ia Dom	654; 31/8/2016	754	754	805,000	306,703	498,297	760,649	498,297	
5	Huyện Đăk Glei				1.907	1.878	1.430,000	1.382,128	47,872	83,595	21,095	
(1)	Dự án khởi công mới năm 2016				1.907	1.878	1.430,000	1.382,128	47,872	83,595	21,095	
	Cầu treo dân sinh Nong Vao thôn Tu Chiêu A xã Mường Hoong	7603122	Xã Mường Hoong	1250; 31/8/2016	1.150	1.133	737,000	719,500	17,500	80,000	17,500	
	Đường GTNT nội thôn Đăk Tum xã Đăk Môn	7603152	Xã Đăk Môn	1248; 31/8/2016	757	745	693,000	662,628	30,372	3,595	3,595	
6	Huyện Ngọc Hồi				2.775	2.600	1.374,000	875,926	498,074	498,074	498,074	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				903	903	362,000	355,239	6,761	6,761	6,761	

	Trường MN Sơn Ca-diêm trường thôn Sơn Phú và thôn Tân Bình	7536729	Xã Đắk Kan	908; 27/11/2015	903	903	362,000	355,239	6,761	6,761	6,761	
(2)	Dự án khôi công mới năm 2016				1.872	1.697	1.012,000	520,687	491,313	491,313	491,313	
	Đường ngõ xóm thôn Đắk Răng nhánh 1 xã Bờ Y	7606238	Xã Bờ Y	487a- 31/8/2016	672	567	336,000	-	336,000	336,000	336,000	
	Trường Mầm non thôn Iệt	7606229	Xã Bờ Y	490a- 31/8/2016	1.200	1.130	676,000	520,687	155,313	155,313	155,313	
7	Thành phố Kon Tum				3.165	2.993	2.993,000	2.924,082	68,918	68,918	68,918	
(1)	Dự án khôi công mới năm 2016				3.165	2.993	2.993,000	2.924,082	68,918	68,918	68,918	
	Đường bê tông từ Tỉnh lộ 666 đến nhà ông A Gen thôn Măng La Klah, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	7593154	Xã Ngok Bay	2422- 31/8/2016	65	61	61,000	60,291	0,709	0,709	0,709	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đường bê tông từ nhà ông Dũng đến cầu sắt thôn Đắk Rơ Đe, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	7593147	Xã Ngok Bay	2423- 31/8/2016	185	173	173,000	170,850	2,150	2,150	2,150	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đường bê tông đoạn từ nhà rông đến nhà ông A Éo thôn Kơ Năng, Thôn Kơ Năng, Xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	7593144	Xã Ngok Bay	2420- 31/8/2016	185	173	173,000	170,805	2,195	2,195	2,195	Quyết toán dự án hoàn thành
	Cổng, hàng rào và sân bê tông nhà văn hóa thôn Măng La Klah, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	7593161	Xã Ngok Bay	2421- 31/8/2016	122	112	112,000	107,934	4,066	4,066	4,066	Quyết toán dự án hoàn thành
	Bê tông đường nội thôn Kon Jơ Rê, Xã ĐắkBlà, thành phố Kon Tum (đoạn từ đường bê tông đến nhà ông A-Hoai)	7588200	Xã ĐắkBlà	2419- 31/8/2016	62	57	57,000	56,200	0,800	0,800	0,800	Quyết toán dự án hoàn thành
	Bê tông đường nội thôn Kon Dre, Xã ĐắkBlà, thành phố Kon Tum	7588195	Xã ĐắkBlà	2417- 31/8/2016	223	204	204,000	201,172	2,828	2,828	2,828	Quyết toán dự án hoàn thành
	Bê tông đường nội thôn Kon Jơ Dré Long, Xã ĐắkBlà, (Đoạn 1: Từ QL 24 tới đường nhà ông A- Vông và Đoạn 2: Từ nhà ông A- Tết tới cuối thôn)	7588207	Xã ĐắkBlà	2416- 31/8/2016	207	189	189,000	171,470	17,530	17,530	17,530	Quyết toán dự án hoàn thành
	Bê tông đường nội thôn Kon Rơ Lang, Xã ĐắkBlà, (đoạn từ đường bê tông tới nhà bà Y- Diêu)	7588203	Xã ĐắkBlà	2415- 31/8/2016	172	158	158,000	155,960	2,040	2,040	2,040	Quyết toán dự án hoàn thành
	Tường rào, sân bê tông lớp học điểm trường TH Bé Văn Đàn thôn Kon Jơ Rê, Xã ĐắkBlà, thành phố Kon Tum	7588214	Xã ĐắkBlà	2418- 31/8/2016	132	132	132,000	127,267	4,733	4,733	4,733	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đường nội thôn KonHra Klah, Xã ChưHreng; Hạng mục: Đường từ nhà Bà Nguyễn Thị Lan đến nhà Ông A Thất	7592873	Xã ChưHreng	2414- 31/8/2016	49	45	45,000	44,414	0,586	0,586	0,586	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đường nội thôn KonHra KơTu, xã ChưHreng; Hạng mục: Đường từ nhà Ông A Long đến nhà Ông A Duyên	7592876	Xã ChưHreng	2412- 31/8/2016	44	40	40,000	39,442	0,558	0,558	0,558	Quyết toán dự án hoàn thành
	Nhà rông thôn KonHra KơTu, xã ChưHreng; Hạng mục: Nhà vệ sinh, giếng nước, sân bê tông	7592879	Xã ChưHreng	2411- 31/8/2016	133	133	133,000	126,439	6,561	6,561	6,561	Quyết toán dự án hoàn thành
	Nhà rông thôn KonHra Klah, Xã ChưHreng; Hạng mục: Nhà vệ sinh, giếng nước, sân bê tông	7592881	Xã ChưHreng	2413- 31/8/2016	113	113	113,000	112,339	0,661	0,661	0,661	Quyết toán dự án hoàn thành

	Đường số 1 nội thôn Kon Kơ Tu xã Đăk Rơ Wa (Đoạn từ sân nhà rông đến điểm trường Mầm non thôn Kon Kơ Tu).	7594493	Xã Đăk Rơ Wa	2408-31/8/2016	280	260	260,000	256,566	3,434	3,434	3,434	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đường số 4 nội thôn Kon Klor2, xã Đăk Rơ Wa.	7594491	Xã Đăk Rơ Wa	2409-31/8/2016	250	233	233,000	229,940	3,060	3,060	3,060	Quyết toán dự án hoàn thành
	Hệ thống mương thoát nước dọc thôn Kon Jơ Dri xã Đăk Rơ Wa, (Đoạn từ sân nhà rông ra giọt nước).	7594489	Xã Đăk Rơ Wa	2407-31/8/2016	250	250	250,000	246,543	3,457	3,457	3,457	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đường nội thôn Đăk Kia, xã Đoàn Kết.	7594488	Xã Đoàn Kết	2410-31/8/2016	190	173	173,000	170,508	2,492	2,492	2,492	Quyết toán dự án hoàn thành
	Sân bê tông, lối đi, hàng rào nhà rông Kroong Klu, xã Kroong.	7593101	Xã Kroong	2424-31/8/2016	144	144	144,000	139,651	4,349	4,349	4,349	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đoạn đường từ nhà A Điều đi đất sản xuất thôn Kroong Klah, xã Kroong.	7593095	Xã Kroong	2427-31/8/2016	108	99	99,000	97,683	1,317	1,317	1,317	Quyết toán dự án hoàn thành
	Đường từ nhà A Kilit đến khu đất sản xuất, thôn Kroong Klu, xã Kroong.	7593099	Xã Kroong	2425-31/8/2016	65	60	60,000	59,182	0,818	0,818	0,818	Quyết toán dự án hoàn thành
	Sân bê tông, lối đi, sân bóng chuyền, hàng rào nhà rông Kroong Klah, xã Kroong.	7593108	Xã Kroong	2426-31/8/2016	184	184	184,000	179,426	4,574	4,574	4,574	Quyết toán dự án hoàn thành
8	Huyện Đăk Tô				1.966	1.468	1.096,000	1.041,222	54,778	54,778	54,778	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				654	311	42,000	1,092	40,908	40,908	40,908	
	Cổng tràn đường đi khu sản xuất thôn Đăk Pung, xã Đăk Rơ Nga (sau nhà ông A Xanh); Hàng mục: Cổng tràn và đường hai đầu cổng	7532942	Xã Đăk Rơ Nga	483-22/9/2015	654	311	42,000	1,092	40,908	40,908	40,908	Thanh toán khối lượng hoàn thành
(2)	Dự án khởi công mới năm 2016				1.312	1.157	1.054,000	1.040,130	13,870	13,870	13,870	
	Đường ngang khu tái định cư thôn Đăk Mạnh I (nhánh 2)	7597028	Xã Đăk Rơ Nga	363-31/8/2016	284	242	242,000	239,922	2,078	2,078	2,078	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Đường GT Thôn Đăk Kang Pêng (đoạn từ ngã ba Thôn Đăk Kang Pêng đến nhà ông A Him)	7595587	Xã Diên Bình	362-31/8/2016	83	70	67,000	65,775	1,225	1,225	1,225	Quyết toán dự án hoàn thành
	Cầu treo thôn Đăk Mông, xã Đăk Trăm (chuyển từ cầu treo thôn Đăk Trăm)	7596619	Xã Đăk Trăm	361-31/8/2016	194	176	176,000	174,465	1,535	1,535	1,535	Quyết toán dự án hoàn thành
	Trường mầm non Pô Kô (điểm trường thôn Đăk Rao Nhỏ); Hàng mục: Xây mới cổng, tường rào, sân bê tông	7596943	Xã Pô Kô	357-31/8/2016	179	163	163,000	160,477	2,523	2,523	2,523	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Đường GTNT thôn Đăk Rao Nhỏ (đoạn 1 từ nhà ông A Đăng Đến nhà Ông A Vong; Đoạn 2 từ nhà ông A Jir đến nhà trẻ nông trường cao su Tân Cảnh)	7596949	Xã Pô Kô	356-31/8/2016	224	192	192,000	188,859	3,141	3,141	3,141	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Đường nội thôn Đăk Xanh	7596955	Xã Văn Lem	367-31/8/2016	348	314	214,000	210,632	3,368	3,368	3,368	

Phụ lục số 1.b

**DANH MỤC DỰ ÁN KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ
NGUỒN TPCP THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016 SANG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 737 QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	MSDA	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			KH vốn TPCP năm 2016 được cấp có thẩm quyền giao hoặc cho phép điều chỉnh theo quy định	Giải ngân KH vốn TPCP năm 2016 đến hết 31/01/2017	Số vốn kế hoạch TPCP năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017 chưa giải ngân hết kế hoạch	Đề xuất của huyện, TP kéo dài thời gian thực hiện KH vốn TPCP năm 2016 chưa giải ngân sang năm 2017	Số vốn TPCP KH năm 2016 tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2017	Ghi chú
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP						
1	2		3	6	7	8	18	19	20	21		22
	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới				30.897	18.814	9.975,000	8.751,643	1.223,357	1.223,357	1.223,357	
1	Trường tiểu học Phùng Khắc Khoan xã Ia Chim; Hạng mục: 02 phòng học, 02 phòng bộ môn và CTVS.	7510058	TP Kon Tum	1405-27/4/2015	2.523		917,000	900,569	16,431	16,431	16,431	
2	Trường tiểu học Kim Đồng xã Ia Chim; hạng mục: 02 phòng bộ môn và 02 phòng chức năng;	7510061	TP Kon Tum	1406-27/4/2015	2.436		652,000	633,628	18,172	18,172	18,172	
3	Thủy lợi Đăk Peng	7483408	Huyện Đăk Hà	1932-30/10/2014	3.341	776	776,000	761,267	14,733	14,733	14,733	
4	Trường Trung học cơ sở xã Đăk Nông	7548600	Huyện Ngọc Hồi	962-11/12/2015	4.800	3.000	1.500,000	811,637	688,363	688,363	688,363	
5	Nâng cấp, sửa chữa khu thể thao xã Bờ Y	7554059	Huyện Ngọc Hồi	70-22/10/2015	98	70	70,000	48,828	21,172	21,172	21,172	
6	Nâng cấp, sửa chữa khu thể thao thôn lặc xã Bờ Y	7563371	Huyện Ngọc Hồi	66-22/10/2015	44	30	30,000	16,764	13,236	13,236	13,236	
7	Nâng cấp, sửa chữa khu thể thao thôn Tà Ka, xã Bờ Y	7563363	Huyện Ngọc Hồi	69-22/10/2015	44	30	30,000	16,764	13,236	13,236	13,236	
8	Nâng cấp, sửa chữa khu thể thao thôn Đăk Mế, xã Bờ Y	7563373	Huyện Ngọc Hồi	65-22/10/2015	1.283	30	30,000	16,764	13,236	13,236	13,236	
9	Nâng cấp, sửa chữa khu thể thao thôn Bắc Phong, xã Bờ Y	7563349	Huyện Ngọc Hồi	64-22/10/2015	44	30	30,000	16,764	13,236	13,236	13,236	
10	Nâng cấp, sửa chữa khu thể thao thôn Ngọc Hải, xã Bờ Y	7563367	Huyện Ngọc Hồi	68-22/10/2015	44	30	30,000	16,764	13,236	13,236	13,236	
11	Xây dựng nhà văn hóa xã Sa Nhơn (quy mô theo quy định về nông thôn mới đối với nhà văn hóa xã)	7527354	Huyện Sa Thầy	799-21/8/2015	1.020	1.020	400,000	309,792	90,208	90,208	90,208	
12	Xây dựng trường tiểu học Trần Phú xã Sa Nghĩa (quy mô nhà 02 tầng, 08 phòng học, diện tích 646,28 m ²)	7527358	Huyện Sa Thầy	798-21/8/2015	4.527	4.527	1.700,000	1.579,178	120,822	120,822	120,822	

TT	Danh mục dự án	MSDA	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			KH vốn TPCP năm 2016 được cấp có thẩm quyền giao hoặc cho phép điều chỉnh theo quy định	Giải ngân KH vốn TPCP năm 2016 đến hết 31/01/2017	Số vốn kế hoạch TPCP năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017 chưa giải ngân hết kế hoạch	Đề xuất của huyện, TP kéo dài thời gian thực hiện KH vốn TPCP năm 2016 chưa giải ngân sang năm 2017	Số vốn TPCP KH năm 2016 tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2017	Ghi chú
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: TPCP						
13	Đường từ UBND xã Sa Sơn đi thị trấn Sa Thầy (quy mô 3,1 km)	7522833	Huyện Sa Thầy	729-22/7/2015	5.458	5.458	1.700,000	1.583,580	116,420	116,420	116,420	
14	Xây dựng trường mầm non Hoa Sen xã Sa Nghĩa (quy mô nhà 01 tầng, 04 phòng học, diện tích 346,8 m ²)	7527355	Huyện Sa Thầy	797-21/8/2015	2.427	2.427	1.200,000	1.181,033	18,967	18,967	18,967	
15	Đường GTNT nội thôn Đăk Siêng	7593299	Huyện Tu Mơ Rông	10-15/7/2015	360	360	100,000	99,729	0,271	0,271	0,271	
16	Đường nội thôn Tu Mơ Rông	7592825	Huyện Tu Mơ Rông	59-23-12-2015	190	190	190,000	178,492	11,508	11,508	11,508	
17	Đường từ cầu treo đi KSX Thôn Tu Thô	7497464	Huyện Tu Mơ Rông	496-25/6/2015	600		68,000	55,723	12,277	12,277	12,277	
18	Đường nội thôn Ngọc Đo (đoạn nối tiếp)	7591436	Huyện Tu Mơ Rông	878-31/8/2016	621	60	76,000	59,961	16,039	16,039	16,039	
19	Trường học MN thôn Đăk Plô	7485580	Huyện Tu Mơ Rông	43a-22/10/2014	318	318	18,000	8.511	9,489	9,489	9,489	
20	Đường đi khu SX Đăk Plô	7593054	Huyện Tu Mơ Rông	56-20/8/2015	719	458	458,000	455,695	2,305	2,305	2,305	

Phụ lục số 2.a

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2016 ĐẾN HẾT 31/01/2017 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT KẾ HOẠCH, HẾT NHU CẦU VÀ ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHUYỂN CHO CÔNG TRÌNH THIỂU VỐN

(Kèm theo Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 02 / 8 /2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình (dự án)	MSDA	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2016	Giải ngân Kế hoạch vốn NSTW năm 2016 tính từ 01/01/2016 đến hết ngày 31/01/2017	Số vốn kế hoạch vốn NSTW năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017 chưa giải ngân hết kế hoạch	Điều chuyển KH vốn NSTW năm 2016 chưa giải ngân hết KH, hết nhu cầu cho công trình thiếu vốn	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XD NÔNG THÔN MỚI				14.403	4.271	3.434	3.390,394	43,162	43,162	
1	Đường nội thôn Mãng Rương (nhánh 1 từ nhà ông A Keng đến nhà ông A Dun, nhánh 2 từ nhà ông A Him đến giáp kênh thủy lợi Mãng Rương)	7446595	Huyện Đắk Tô	14-24/2/2014	426		13	12,96	0,038		Hết nhu cầu
2	Đường thôn Kon Đào I (Ngay nhà bà Nguyễn Thị Lưu, Dốc bà Sở)	7446579	Huyện Đắk Tô	04-28/02/2014	896		70	66,10	3,897		Hết nhu cầu
3	Đường nội thôn Đắk Chờ (nhánh 1 nhà A Châu đến nhà Y Niam, nhánh 2 từ trường TH xã Ngọc Tu đến nhà ông A Thiệu, nhánh 3 từ nhà ông A Hiếu đến nhà ông A Khiêng)	7446587	Huyện Đắk Tô	09a-18/02/2014	952		156	155,52	0,481		Hết nhu cầu
4	Đường nội thôn Đắk Rô Gia (nhánh 1 nhà ông Thìn đến nhà ông Ba Suối; nhánh 2 từ nhà rông thôn tới nhà mẹ An; nhánh 3 từ nhà ông A Phun đến trường MN thôn Đắk Rô Gia)	7462242	Huyện Đắk Tô	05-27/02/2014	526		86	84,91	1,086		Hết nhu cầu
5	Đập Đắk Kơ Rìng	7446604	Huyện Đắk Tô	07a-28/02/2014	0		21	20,44	0,562		Hết nhu cầu
6	Đường giao thông nông thôn trực thôn, xóm - Thôn Plei Bur; Hạng mục:...	7533093	TP Kon Tum	51-05/8/2015	1.210	1.131	940	940,40	0,001		Hết nhu cầu
7	Đường giao thông nông thôn trực thôn, xóm - Thôn Lâm Tùng; Hạng mục: ...	7533098	TP Kon Tum	52-05/8/2015	1.043	972	804	804,13	0,001		Hết nhu cầu
8	Đường từ nhà ông A Đơm đến nhà ông A Nurm, thôn Plei Weh, xã Ia Chim,	7610125	TP Kon Tum	61-22/10/2015	386	361	310	297,52	12,478		Hết nhu cầu

TT	Danh mục công trình (dự án)	MSDA	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2016	Giải ngân Kế hoạch vốn NSTW năm 2016 tính từ 01/01/2016 đến hết ngày 31/01/2017	Số vốn kế hoạch vốn NSTW năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017 chưa giải ngân hết kế hoạch	Điều chuyển KH vốn NSTW năm 2016 chưa giải ngân hết KH, hết nhu cầu cho công trình thiếu vốn	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					
9	Đường từ nhà ông A Phứi đến nhà ông Siu Su, thôn Klâu Ngol Zổ, xã Ia Chim.	7610128	TP Kon Tum	57-22/10/2015	520	486	406	403,77	2,139		Hết nhu cầu
10	Từ QL 14B (ông A Tỷ) đến ngã 3 giọt nước	7533242	TP Kon Tum	46-21/8/2015	323	305	305	305,12	0,003		Hết nhu cầu
11	Đường Thôn Kép Răm xã Hòa Bình; Hạng mục: Đường từ nhà A Phát đến nhà A Ven + từ QL 14B đến nhà A San (đầu nối các đường)	7610913	TP Kon Tum	55a-22/10/2015	234	215	200	195,98	4,022		Hết nhu cầu
12	Đường giao thông nông thôn thôn 8 xã Đắk Tờ Re	7454974	Kon Rẫy	60-05/6/2014	1.295	802	122	103,55	18,454		Hết nhu cầu
13	Đường liên xã từ cổng Đắk Trú, thôn 8 xã Đắk La đi thôn 4 xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà	7536265	Đắk Hà	1239; 15/10/2015	6.592					43,162	Công trình thiếu vốn



Phụ lục số 2.b

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TPCP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016 ĐẾN HẾT 31/01/2017 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT KẾ HOẠCH, HẾT NHU CẦU VÀ ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHUYỂN CHO CÔNG TRÌNH THIẾU VỐN

(Kèm theo Quyết định số ~~737~~ /QĐ-UBND ngày ~~02~~ /8 /2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	MSDA	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			KH vốn TPCP năm 2016 được cấp có thẩm quyền giao hoặc cho phép điều chỉnh theo quy định	Giải ngân KH vốn TPCP năm 2016 đến hết 31/01/2017	Số vốn kế hoạch TPCP năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017 chưa giải ngân hết kế hoạch	Điều chuyển số vốn TPCP KH năm 2016 chưa giải ngân hết KH, hết nhu cầu cho công trình thiếu vốn	Ghi chú
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: TPCP					
1	2		3	6	7	8	18	19	20	21	22
	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới				46.442	25.652	18.272,000	17.553,132	718,868	718,868	0
1	Đường số 1 nội thôn Jơ Rốp	7481850	TP Kon Tum	07-26/3/2014	192		42,000	16,070	25,930		Hết nhu cầu
2	Đường số 2 nội thôn Rơ Wăh	7484622	TP Kon Tum	60-22/9/2014	1.389		18,000	2,000	16,000		Hết nhu cầu
3	Lớp học MN thôn Tơ DRốp	7494414	TP Kon Tum	60-22/9/2014	462	462	86,00	84,34	1,656		Hết nhu cầu
4	Lớp học MN thôn Rơ Wăh	7494412	TP Kon Tum	66-10/10/2014	457	457	106,000	105,261	0,739		Hết nhu cầu
5	Đường thôn Kon Rờ Bàng 2, đoạn từ tỉnh lộ 666 đến nhà ông A Đak	7496450	TP Kon Tum	118-22/12/2014	234		8,000	6,878	1,122		Hết nhu cầu
6	Đường nội thôn ra cánh đồng Tả Nao	7496454	TP Kon Tum	113a-08/12/14	297		5,000	4,347	0,654		Hết nhu cầu
7	Lớp học mầm non thôn Kon Tu II, xã Đăk Blá	7487604	TP Kon Tum	51-08/12/2014	433		44,000	41,963	2,037		Hết nhu cầu
8	Lớp học mầm non thôn Kon Pát	7487605	TP Kon Tum	50-08/12/2014	430	430	110,000	108,000	2,000		Hết nhu cầu
9	Chợ nông thôn xã Hà Môn (giai đoạn 1)	7301540	Huyện Đăk Hà	2353- 14/6/2011	2.795	8	8,000	6,910	1,090		Hết nhu cầu
10	Chợ nông thôn xã Hà Môn (giai đoạn 2)	7325036	Huyện Đăk Hà	3863 18/11/2011	2.438	850	850,000	756,525	93,475		Hết nhu cầu
11	Hội trường thôn Quyết Thắng, xã Hà Môn	7225323	Huyện Đăk Hà	523- 10/3/2010	401	392	392,000	382,070	9,930		Hết nhu cầu
12	Hội trường thôn 2, xã Hà Môn	7225321	Huyện Đăk Hà	522- 10/3/2010	544	268	268,000	267,888	0,112		Hết nhu cầu
13	Cổng trường rào trường MG xã Hà Môn	7128940	Huyện Đăk Hà	05- 02/01/2009	887	149	149,000	131,840	17,160		Hết nhu cầu
14	Nâng cấp đường GT thôn 3 xã Đăk Mar	7413944	Huyện Đăk Hà	880- 18/6/2013	436	121	121,000	120,505	0,495		Hết nhu cầu
15	Hội trường thôn 3 xã Đăk Mar	7306077	Huyện Đăk Hà	2982- 26/8/2011	768	475	475,000	463,853	11,147		Hết nhu cầu
16	Công trình: Làm mới nhà để xe, sân bê tông và sửa chữa phòng làm việc - Trụ sở HĐND – UBND xã Đăk Hring	7321067	Huyện Đăk Hà	3047- 26/8/2011	485	422	422,000	396,061	25,939		Hết nhu cầu

TT	Danh mục dự án	MSDA	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			KH vốn TPCP năm 2016 được cấp có thẩm quyền giao hoặc cho phép điều chỉnh theo quy định	Giải ngân KH vốn TPCP năm 2016 đến hết 31/01/2017	Số vốn kế hoạch TPCP năm 2016 đến hết ngày 31/01/2017 chưa giải ngân hết kế hoạch	Điều chuyển số vốn TPCP KH năm 2016 chưa giải ngân hết KH, hết nhu cầu cho công trình thiếu vốn	Ghi chú
				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: TPCP					
17	Đường nội thôn Đắk Tông (từ điểm trường tiểu học Thôn Đắk Tông đến vườn cà phê ông A K Bín)	7497934	Huyện Đắk Tô	18-05/3/2014	145		64,000	63,443	0,557		Hết nhu cầu
18	Đường giao thông thôn thôn Đắk Dê (Ngay nhà ông A Noe)	7472833	Huyện Đắk Tô	10-28/02/2014	206		150,000	143,331	6,669		Hết nhu cầu
19	Đường nội thôn Kôn Tu Dốp 2 (từ nhà ông A Bre đến nhà ông A Uân)	7498664	Huyện Đắk Tô	06B-04/3/2014	541		220,000	219,468	0,532		Hết nhu cầu
20	Đường giao thông nông thôn Thôn Đắk Rao Nhỏ (nhánh 1 từ đường tỉnh lộ 679 đến giáp đường BTXM đi vào cầu treo Đắk Rao Nhỏ)	7498669	Huyện Đắk Tô	16-09/10/2014	952		157,000	150,577	6,423		Hết nhu cầu
21	Đường nội thôn Đắk Dring (nhà ông A Ninh đến nhà ông A Hui)	7497747	Huyện Đắk Tô	04-26/02/2014	471		68,000	61,691	6,309		Hết nhu cầu
22	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi thôn Đắk Kang Peng, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô	7505342	Huyện Đắk Tô	158-27/3/2015	6.130	6.130	3.634,000	3.633,938	0,062		Hết nhu cầu
23	Đường giao thông vào Thôn 5 (A Râu, A Khai, A Bút, A Bok, ông Phương), xã Diên Bình	7476801	Huyện Đắk Tô	16-28/02/2014	1.507		980,000	978,019	1,981		Hết nhu cầu
24	Đường GTNT Thôn Đắk Kang Pêng	7446573	Huyện Đắk Tô	14-14/02/2014	1.663		259,000	258,424	0,576		Hết nhu cầu
25	Trường trung học cơ sở xã Đắk Môn – Hạng mục: Nhà học 06 phòng và nhà trực bảo vệ	7521660	Huyện Đắk Gle	545- 09/07/2015	2.919	2.919	419,000	328,824	90,176		Hết nhu cầu
26	Trường mầm non xã Đắk Môn – Hạng mục: 02 nhà chức năng, 02 sân chơi tại thôn Broong Mệt và Đắk Tu, 01 nhà vệ sinh cho giáo viên điểm Broong Mệt + 40 mét hàng rào và 01 nhà bảo vệ	7521664	Huyện Đắk Gle	546- 09/07/2015	1.923	1.923	657,000	357,000	300,000		Hết nhu cầu
27	Trường mầm non xã Đắk Kroong – Hạng mục: Nhà hiệu bộ 04 phòng, 01 nhà vệ sinh và nhà bếp	7521673	Huyện Đắk Gle	509- 26/06/2015	1.828	1.828	711,000	617,615	93,385		Hết nhu cầu
28	Nhà văn hóa trung tâm xã Đắk Ruồng	7538941	Huyện Kon Rẫy	545- 11/9/2015	2.191		222,000	220,174	1,826		Hết nhu cầu
29	Trường mầm non Bình Minh xã Đắk Ruồng	7527791	Huyện Kon Rẫy	455- 13/7/2015	3.909		1.530,000	1.529,667	0,333		Hết nhu cầu
30	Đường GTNT từ QL24 đi khu sản xuất nước Răng	7455255	Huyện Kon Plông	209A- 12/05/2014	303	303	97,000	96,447	0,553		Hết nhu cầu

DL